

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2021/DS-ST

Ngày: 24-11-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tám và bà Cấn Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà H Thị Thúy Nga là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 352/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44a/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021; các Quyết định hoãn phiên tòa số: 62a/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2021, số: 89a/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 119/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2021, các Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2021, số: 180/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2021, số: 198/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Đ – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Bà Trần Thị Bích H – Vắng mặt (*Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2*).

Địa chỉ: Bon J, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị V – Vắng mặt (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bà Nguyễn Thị S – Vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

Địa chỉ: Bon J, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 11-11-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Nguyễn Xuân Đ trình bày:

Ngày 03-4-2016 đương lịch ông có cho bà Trần Thị Bích H vay số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), hẹn hạn trả là ngày 03-5-2016 đương lịch; khi vay hai bên có viết giấy vay, không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, kể từ sau khi vay đến nay, mặc dù ông Đ đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà H không trả. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả cho ông số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Bị đơn Bà Trần Thị Bích H trình bày: Bà thừa nhận ngày 03-4-2016 bà có ký giấy vay tiền của ông Đ số tiền 140.000.000 đồng, tuy nhiên, thực tế bà chỉ vay ông Đ số tiền 40.000.000 đồng, còn lại số tiền 100.000.000 đồng là bà nhận nợ thay cho bà Nguyễn Thị S chứ không phải bà vay của ông Đ. Đối với số tiền 40.000.000 đồng bà vay của ông Đ thì ông Đ tính lãi suất là 3.000đ/triệu/ngày; sau đó bà đã trả cho ông Đ toàn bộ số nợ trên, không phải bằng tiền mặt mà bằng 04 tấn phân, trị giá 13.500đ/kg, tổng giá trị là 52.000.000 đồng. Về lý do bà ký nhận nợ thay bà S là vì bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà S nhưng bà S đang nợ tiền của ông Đ và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho ông Đ nên ông Đ nói bà đứng nhận nợ thay bà S thì ông Đ sẽ trả GCNQSDĐ cho bà S để bà S sang tên cho bà. Do vậy, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày: Thống nhất như trình bày của ông Đ về số tiền cho bà H vay và yêu cầu Bà H có nghĩa vụ trả số tiền như yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà không thừa nhận việc có liên quan đến khoản nợ giữa bà H với ông Đ, việc bà nợ tiền của ông Đ là đúng nhưng không phải số tiền 100.000.000 đồng; hơn nữa bà cũng đã giao nhà ở của bà để cầm trả nợ cho ông Đ, bà không còn nợ tiền của ông Đ nữa; giữa bà và bà H, ông Đ cũng không có thỏa thuận về việc bà H đứng nhận nợ ông Đ số tiền 100.000.000 đồng thay cho bà. Vì vậy, việc ông Đ khởi kiện yêu cầu Bà H trả nợ là không liên quan đến bà. Do vậy, bà không đồng ý với ý kiến của Bà H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Đ đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị Bích H trả cho ông số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ khi vay tiền cho đến khi trả hết số nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V đã chấp hành nghiêm túc quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Trần Thị Bích H là bị đơn và bà Nguyễn Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, mặc dù có mặt ở địa phương nhưng nhiều lần Tòa án triệu tập làm việc nhưng không có mặt.

Về tố tụng: Đảm bảo đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Trần Thị Bích H phải thanh toán cho ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị V số tiền là 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

Đối với yêu cầu của ông Đ về việc đề nghị bà H trả tiền lãi suất từ khi vay tiền đến khi trả hết nợ, do quá trình giải quyết ông Đ không có yêu cầu về lãi suất nên yêu cầu của ông Đ tại phiên tòa đối với số tiền lãi suất là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trần Thị Bích H cư trú tại: Bon J, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 03-4-2016 Bà Trần Thị Bích H ký giấy vay của ông Nguyễn Xuân Đ số tiền 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*). Do ông Đ yêu cầu nhiều lần nhưng bà H không trả, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả nợ nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết, không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện; mặt khác, ông Nguyễn Xuân Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Bích H trả số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng mà bà H đã vay của ông Đ nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự.

[1.4]. Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Bà Trần Thị Bích H là bị đơn và bà Nguyễn Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đã được Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bà H và bà S là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Ông Nguyễn Xuân Đ yêu cầu bà Trần Thị Bích H phải thanh toán số tiền 140.000.000 đồng, kèm theo đơn khởi kiện, ông Đ xuất trình tài liệu đề “*Giấy vay tiền mặt*” đề ngày 03-4-2016; trong đó thể hiện nội dung bà Trần Thị Bích H có vay của ông Nguyễn Xuân Đ số tiền vay là 140.000.000 đồng. Bị đơn bà Trần Thị

Bích H thừa nhận có ký giấy vay tiền nêu trên nhưng cho rằng thực tế chỉ được vay 40.000.000 đồng, còn lại số tiền 100.000.000 đồng là do Bà Nguyễn Thị S nợ của ông Đ và bà H ký nhận nợ thay cho bà S; hơn nữa, số tiền 40.000.000 đồng mà bà vay của ông Đ thì bà đã trả hết cho ông Đ bằng việc trả 04 tấn phân NPK. Tuy nhiên, suốt quá trình giải quyết vụ án bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nội dung nhận nợ thay cho bà S cũng như chứng minh việc đã trả nợ cho ông Đ.

Mặt khác, lời khai của bà H có nhiều mâu thuẫn, bà cho rằng đã trả cho ông Đ 04 tấn phân, giá 13.500đ/kg, quy ra thành tiền là đủ 52.000.000 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi là 12.000.000 đồng vì ông Đ tính lãi là 3000đ/triệu/ngày; đồng thời bà H cho rằng đã trả nợ cho ông Đ sau 03 tháng kể từ sau khi ký giấy vay tiền của ông Đ. Tuy nhiên, đối với 04 tấn phân mà bà H cho rằng giá là 13.500đ/kg thì tổng giá trị là 54.000.000 đồng, trường hợp ông Đ tính lãi là 3000đ/triệu/ngày và bà H trả nợ cho ông Đ sau 3 tháng kể từ ngày ký giấy vay thì tổng số tiền bà H phải trả cho ông Đ chỉ là 50.800.000 đồng, trong đó có 10.800.000 đồng là nợ lãi chứ không phải 12.000.000 đồng tiền lãi như bà H trình bày.

Ngoài ra, bà H cho rằng nhận nợ thay cho bà S số tiền 100.000.000 đồng nhưng ông Đ không thừa nhận nội dung này; lời khai của bà S thì cho rằng không liên quan gì đến khoản nợ của ông Đ với bà H đồng thời cũng không thỏa thuận gì với bà H và ông Đ về việc bà H nhận nợ thay bà S, bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nội dung này.

Tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“2. Dương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Dương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không Đưa ra được chứng cứ hoặc không Đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Theo đó, tại giấy vay tiền giữa ông Đ và bà H lập ngày 03-4-2016, thời hạn vay hai bên thỏa thuận là ngày 03-5-2016 bà H phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông Đ. Nhưng vì đến hạn, bà H không trả tiền cho ông Đ nên bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà H cho rằng không được vay đủ số tiền như đã ký giấy vay và cũng đã trả toàn bộ số tiền được vay nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên Tòa án không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, ông Đ yêu cầu bà H phải trả số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận. Buộc bà Trần Thị Bích H phải trả cho ông Nguyễn Xuân Đ số tiền 140.000.000 đồng.

2.2. Đối với đề nghị của ông Đ tại phiên tòa về việc buộc bà H trả tiền lãi suất từ khi vay tiền đến khi trả hết nợ, do quá trình giải quyết ông Đ chỉ yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng; giấy vay giữa ông Đ và bà H không thể hiện lãi suất và đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết ông Đ không có yêu cầu bà H trả lãi suất nên yêu cầu của ông Đ tại phiên tòa đối với số tiền lãi suất là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

2.3. Về quan điểm, nhận định của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Trần Thị Bích H phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật là: 140.000.000 đồng x 5% = 7.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147; 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; áp dụng các Điều 18, 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Đ.

1. Buộc bà Trần Thị Bích H phải thanh toán cho ông Nguyễn Xuân Đ và bà Trần Thị V số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Bích H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Xuân Đ số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002014 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- CCTHDS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Mã Thị Kỳ

